

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **25/2019/HNGĐ-ST**;

Ngày: 22/8/2019.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐ-HPT ngày 05/8/2019 giữa các đ- ơng sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn , xã Vân C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Có mặt tại phiên tòa.

***Bi đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn , xã Vân C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY:

**** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hằng trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn , xã Vân C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội kết hôn năm 2009 tại UBND xã Vân C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh Hải không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 8/2017 sau khi mâu thuẫn với bố chồng, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, khi ở đó anh H không đón. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 30/01/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 05/02/2012. Hiện nay cháu B đang ở cùng anh H, cháu C đang ở với chị. Nay ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu C và anh H nuôi dưỡng cháu B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

****Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn và chung sống anh thừa nhận chị H trình bày đúng. Nay chị H xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 30/01/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 05/02/2012. Hiện nay cháu B đang ở cùng anh, cháu Ch đang ở với chị H. Nếu ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu B và chị H nuôi dưỡng cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

****Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đ- ơng sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán và các đ- ơng sự đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Xử chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 30/01/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày sinh ngày 05/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Ghi nhận chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn H có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H anh Nguyễn Văn H đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, chị H và anh H chung sống đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn chị H đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ

đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị H kiên quyết xin ly hôn anh H, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh H đều xin vắng mặt, từ chối tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh H bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không cùng chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.* Như vậy hiện tại chị H và anh H đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa tại chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 30/01/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 05/02/2012. Hiện nay cháu B đang ở cùng anh H, cháu C đang ở với chị H. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng giữ nguyên việc nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh H và chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 30/01/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

+ Giao cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 05/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008956 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Vân C;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

